

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRƯỜNG THÒ HIEM (*)

Tõ những góc tiếp cận khác nhau sẽ coi khai niệm khác nhau về cơ cấu kinh tế xin nêu giới thiệu một số khái niệm sau đây:

- Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế với vị trí, tỷ trọng tổng cộng của chúng và mối quan hệ hữu cơ tổng thể hợp thành trong một giai đoạn nào đó và luôn biến đổi trong mối quan hệ biến chuyển lẫn nhau.

Nhờ vậy cơ cấu kinh tế là thuộc tính của hệ thống. Do đó khi nghiên cứu cơ cấu kinh tế phải nhìn trên quan niệm hệ thống và quan niệm phát triển.

- Cơ cấu kinh tế là tổng thể các bộ phận hợp thành của nền kinh tế bao gồm nhiều yếu tố quan hệ chặt chẽ với nhau và về số lượng lẫn chất lượng trong những khoảng thời gian và không gian nhất định của một nền kinh tế xã hội.

Về mặt lượng, cơ cấu kinh tế được xác định bằng tỷ trọng giá trị của các bộ phận cấu thành các ngành, lĩnh vực trong GDP. Tỷ trọng này phụ thuộc vào vị trí của mỗi bộ phận trong nền kinh tế ở mỗi giai đoạn cụ thể nhất định. Do đó khi nghiên cứu cơ cấu kinh tế cần tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, nhờ cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật, cơ cấu thành phần kinh tế cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu lao động...

Chúng ta sẽ chọn mô hình phát triển kinh tế nào trong tổng thể? Đây là những câu hỏi mà các nhà lãnh đạo, nhà hoạch định chính sách, có quan tâm sâu sắc cần phải nghiên cứu. Không thể cho rằng dựa vào lựa chọn mô hình phát triển kinh tế nào thì cơ cấu kinh tế vẫn là nhân tố có bản quyết định của sự phát triển. Do vậy lựa chọn cơ cấu kinh tế xác định cơ cấu kinh tế hợp lý vẫn luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách. Nghiên cứu cơ cấu kinh tế cần và coi tiếp cận từ nhiều hướng, nhiều góc độ khác nhau nhờ cơ cấu kinh tế theo ngành, cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế cơ cấu kinh tế theo vùng lãnh thổ cơ cấu kinh tế trong nước và nước ngoài, cơ cấu lao động...

Tuy vậy trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích cơ cấu kinh tế theo ngành và lĩnh vực của Việt Nam.

Sau hơn 20 năm đổi mới, xét về tổng thể cơ cấu kinh tế Việt Nam đã có sự chuyển dịch như sau:

- Năm 1990, tỷ trọng các ngành trong GDP là:
Khu vực I chiếm 37,74 %,
Khu vực II chiếm 23,63%,
Khu vực III chiếm 38,59%.

- Năm 2009, trong cơ cấu GDP đã thay đổi như sau:

- Khu vực I: 20,66%,
Khu vực II: 40,24%,
Khu vực III : 39,10%.

(*) PGS.TS. Hiem Trường Cao Đẳng TP.HCM

Số liệu thống kê cho thấy giai đoạn 2000- 2009, tỷ trọng khu vực I giảm, còn khu vực II, III lại tăng lên và chiếm ưu thế trong cấu trúc GDP. Tuy vậy, không nếu so với cơ cấu trung bình của thế giới và các nước phát triển thì cơ cấu kinh tế của Việt Nam vẫn còn lạc hậu. Biểu hiện là tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong cơ cấu GDP còn rất lớn, chiếm trên 20%, trong khi mức trung bình của thế giới là 3 – 4% của khối các nước đang phát triển, Trung Quốc là 13,55%, Thái Lan là 10,17%; tỷ trọng dịch vụ quai nội (38%), trong khi trung bình của thế giới là 68%, các nước có thu nhập thấp và trung bình là 45,87%.

Nhờ vậy, xét toàn bộ về tỷ trọng (số lao động) các ngành kinh tế trong GDP đã cho thấy cơ cấu kinh tế của Việt Nam hiện còn lạc hậu.

Về trình độ công nghệ của Việt Nam thấp so với trung bình của thế giới và khu vực (xem bảng 1).

Số liệu của bảng trên cho thấy trình độ khoa học công nghệ của Việt Nam còn thấp, chỉ tính được 7 trong 10 nước ASEAN. Trong khi đó tốc độ đổi mới thiết bị và công nghệ của Việt Nam còn chậm, thế giới bình quân mỗi năm mới thiết bị công nghệ đạt 10%/ năm. Nhưng Việt Nam chỉ đạt dưới 5%/năm. Do đó khoảng cách từ hậu về công nghệ của Việt Nam với thế giới có xu hướng ngày càng dãn ra; năng lực của công nghệ nước ta thấp hơn công nghệ cao và tốc độ đổi mới thiết bị tăng trưởng thấp. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến hệ quả là chất lượng tăng trưởng, hiệu quả năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thấp. (Theo các

chỉ số phát triển năm 2009 của Ngân hàng thế giới (WB) cũng báo cáo sản phẩm công nghệ cao chỉ chiếm khoảng 6% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và chỉ số này hầu như không thay đổi kể từ năm 2000 đến 2008).

Một vấn đề nữa là năng suất của năng suất tổng hợp các nhân tố (TFP) thấp và có xu hướng ngày càng giảm. Hiện vẫn hầu như môi trường quy mô theo chiều rộng năng suất khoảng 60% vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam; lao động và các nhân tố tổng hợp năng suất phần còn lại, trong đó năng suất của nhân tố tổng hợp khoảng 25%. Tăng trưởng nhân tố tổng hợp của Việt Nam bình quân 1,5%/ năm; trong khi đó Trung Quốc 4 %/năm, Ấn Độ 3 %/ năm, Singapore 2,5%/ năm, Thái Lan 2%/ năm.

Về năng suất lao động của Việt Nam so với các nước trong khu vực thấp. Năm 2008 năng suất một lao động của Việt Nam đạt 1.700USD, trong khi con số này của Malaixia là trên 14.000USD.

Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm, nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng hàm lượng chất xám cao còn chậm và chiếm tỷ trọng nhỏ trong GDP.

Tóm lại, dựa vào số liệu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực không hiện tại cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn chưa phát huy được lợi thế so sánh của nước này; sự phát triển chủ yếu vẫn dựa vào các ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên và lao động phổ thông, trình độ công nghệ thấp; sản xuất công nghiệp phần lớn ở dạng gia công, lắp ráp, dựa chủ yếu vào nhập khẩu

Bảng 1: Tiêu chuẩn công nghệ của Việt Nam so với khu vực

Tiêu chuẩn công nghệ	Việt Nam (%)	Philippin (%)	Thái Lan (%)	Indônexia (%)	Malaixia (%)	Xingapo (%)
Nhóm công nghệ cao	20.6	29.1	29.7	30.8	51.1	73.0
Nhóm công nghệ trung bình	20.7	25.5	22.6	26.5	54.6	16.5
Nhóm công nghệ thấp	58.8	45.5	47.5	42.2	24.3	10.5

Nguồn: Tổng Cục thống kê

nguyên liệu và các sản phẩm trung gian từ nước ngoài; và số các sản phẩm cuối cùng góp lớn trong GDP cũng nhờ kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm dữa trên khai thác tại nguyên (đất đai, khoáng sản,...) các sản phẩm số chế và dịch vụ tiêu dùng thặng dư nhiều lao động phổ thông.

Những hạn chế của cơ cấu kinh tế nêu trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, những nguyên nhân chủ quan là chủ yếu như sau:

- *Thời nhất* là chậm đổi mới tổ duy phát triển kinh tế nhất là tổ duy về chuyên đổi mô hình phát triển kinh tế và vai trò của nhà nước trong quản lý kinh tế hoạch định, xác định mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.

- *Thời hai* là bỏ trống trong phân định, xác định giới hạn và vai trò nhiều tiết kinh tế của nhà nước với phát triển của thị trường; giữa quản lý theo ngành và theo lãnh thổ

- *Thời ba*, chính sách phân phối và thu nhập chưa nắm bắt kết hợp, giải quyết hai mặt lợi ích cá nhân, tập thể và lợi ích xã hội nên số phân bổ nguồn lực các yếu tố như vào khoa học, hợp lý

Chuyên dịch cơ cấu kinh tế hợp lý có ý nghĩa quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế. Do vậy, câu hỏi đặt ra là Việt Nam cần xây dựng cơ cấu kinh tế như thế nào để với cơ cấu nội nhập ững những yếu cầu: phát triển bền vững; cạnh tranh quốc tế có hiệu quả khai thác tối nhất tiềm năng lợi thế của đất nước; có khai thác thích ứng cao trình độ mới biến đổi của kinh tế thế giới.

Trong nhiều kiến kinh tế thế giới nâng chuyên nhanh sang kinh tế tri thức, Việt Nam phải thực thi những biện pháp giải pháp có tính khoa học và tính thực tiễn cao. Ở đây, chúng tôi xin nêu xuất

những giải pháp chủ yếu như sau:

- *Thời nhất*, nâng cao chất lượng xây dựng, quản lý và thực thi chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu dài hạn, khoa học từ đó các mục tiêu trung hạn và ngắn hạn phải phù hợp với quy hoạch dài hạn. Nắm bắt quan hệ hợp lý giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững.

- *Thời hai*, thay đổi tổ duy và hướng tiếp cận xây dựng cơ cấu kinh tế theo kiểu truyền thống là chắt lọc tinh túy trong ngành nghề khu vực kinh tế trong GDP mà cần thực hiện và tiếp cận theo hướng chuỗi giá trị nhờ các ngành kinh tế kỹ thuật của Việt Nam nâng độ vị trí nòng cốt trong chuỗi giá trị toàn cầu; từ đây mới xác định Việt Nam cần tập trung phát triển ngành nào, nhóm sản phẩm nào, hoặc khâu nào trong toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm. (Thí dụ, nếu có nhập khẩu nguyên, phụ liệu rồi lắp ráp nhờ ngành may mặc hiện nay thì giá trị gia tăng rất thấp, nhưng nếu phát triển may mặc lại tập trung vào khâu thiết kế mẫu mã thì giá trị gia tăng cao). Trong thời kỳ đầu tiên này tổ chức chế chính sách phát triển khoa học công nghệ nhanh chóng nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước và toàn bộ nền kinh tế quốc dân, xác định rõ ràng quan niệm rằng thực hiện xã hội hóa này là cần thiết những nhà nước của nhà nước và định hướng lực chủ yếu trong số nghiệp phát triển khoa học công nghệ

- Nâng cao trình độ chất lượng nguồn nhân lực nhân tố cơ bản của số phát triển. Nếu nâng cao chất lượng, trình độ nguồn nhân lực cần phải thực hiện nâng bộ có hiệu quả những thời ba và nếu nâng cao dân trí, nâng tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, nếu mỗi người có thể phát huy hết tiềm năng, trí lực, kỹ năng của mình trong học tập và làm việc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Lê Xuân Bái Nghiên cứu xu hướng chuyên dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2010-2020, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW, tháng 6 năm 2010.
2. TS. Nguyễn Thị Hoàng, Những hạn chế trong chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay và giải pháp khắc phục, Tạp chí Kinh tế số 9, Viện Kinh tế Việt Nam - Viện Khoa học xã hội Việt Nam, trang 11.